TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
1	Võ Thị Ngọc	ẩn	12117001	15/10/1994	05	WS501	8.50	x
2	Hạ Long	An	13145002	21/08/1994	05	WS502	4.50	
3	Hoàng Quỳnh	Anh	12120319	04/01/1994	05	WS505	3.50	
4	Mai Thị Trâm	Anh	12120249	10/06/1994	05	WS506	5.50	x
5	Nguyễn Thị Trâm	Anh	12117031	10/02/1993	05	WS509	0.50	
6	Nguyễn Thị Vân	Anh	10155049	10/03/1992	05	WS510	2.60	
7	Trần Hải	Anh	10113229	21/05/1991	05	WS511	2.50	
8	Huỳnh Thị Minh	ánh	13111145	01/06/1995	05	WS512	4.30	
9	Trương Thị Ngọc	ánh	13122008	25/08/1995	05	WS513	2.90	
10	Nguyễn Thạch Giang	Băng	12111123	13/06/1991	05	WS514	3.90	
11	Lộc Thị	Bê	13113018	05/07/1995	05	WS516	3.80	
12	Nguyễn Thị	Bình	13120153	19/01/1994	05	WS517	3.60	
13	Võ Tấn Ngọc	Châu	10171005	28/04/1992	05	WS519	3.60	
14	Trần Thị Diễm	Chi	13111161	02/05/1995	05	WS520	6.90	x
15	Trương Mỹ	Chi	12116159	21/03/1993	05	WS521	1.60	
16	Lê Văn	Chí	13111164	29/07/1995	05	WS522	5.00	x
17	Đào Thị Thanh	Chung	11143122	14/01/1992	05	WS523	1.80	
18	Trần Văn Thành	Công	12145049	10/10/1994	05	WS524	1.90	
19	Nguyễn Ngọc	Cường	11157384	22/06/1993	05	WS525	4.30	
20	Nguyễn Quốc	Cường	11126289	22/02/1993	05	WS526	5.00	x
21	Nguyễn Thị Thu	Cúc	13120162	10/01/1995	05	WS527	8.80	x
22	Vương Thị Kim	Cúc	10161006	07/07/1992	05	WS528	3.60	
23	Danh	Dại	11113320	12/03/1990	05	WS529	4.10	
24	Nguyễn Thị Trúc	Diễm	12126312	12/01/1994	05	WS530	5.60	x
25	Trương Thị Lệ	Diễm	12363259	02/02/1994	05	WS531	1.10	
26	Trịnh Xuân	Dương	11112078	01/09/1993	05	WS533	3.90	
27	Nguyễn Thị	Dưởng	13363045	17/02/1995	05	WS534	0.80	
28	Nguyễn Thị	Dung	12363166	22/11/1994	05	WS535	2.80	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
29	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	11142042	08/02/1993	05	WS536	5.00	x
30	Phạm Thị	Dung	13123022	20/10/1994	05	WS538	7.30	x
31	Nguyễn Văn Tiến	Dũng	10172014	05/01/1992	05	WS518	1.30	
32	Hoàng Vương Tường	Duy	11112069	26/07/1992	05	WS620	1.60	
33	Mai Nguyên	Duy	12111001	18/09/1994	05	WS601	2.80	
34	Trần	Duy	11120127	18/08/1993	05	WS603	5.50	x
35	Vũ Hoàng	Duy	11112071	10/12/1993	05	WS604	7.80	x
36	Mai Nguyễn Phẩm	Duyên	12120184	01/07/1994	05	WS606	4.00	
37	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	12113113	16/04/1994	05	WS608	4.50	
38	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	11112072	11/05/1993	05	WS609	5.00	x
39	Vũ Thị	Duyên	12113010	01/07/1994	05	WS610	4.80	
40	Phan Thị Hồng	Gấm	11112260	04/06/1993	05	WS611	4.00	
41	Cao Thị Hà	Giang	12123246	29/06/1994	05	WS612	6.00	x
42	Võ Huỳnh Hương	Giang	13120022	13/10/1995	05	WS613	2.50	
43	Phạm Thị Hồng	Hân	13123044	11/03/1995	05	WS616	4.30	
44	Hoàng Thúy	Hằng	13113308	10/08/1992	05	WS617	3.30	
45	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	13113059	20/12/1995	05	WS618	5.50	x
46	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	13116384	14/09/	05	WS619	2.60	
47	Nguyễn Huỳnh	Hạ	12122012	22/04/1994	05	WS621	7.00	x
48	Lưu Đức	Hạnh	13125132	08/03/1995	05	WS622	5.40	x
49	Nguyễn Thị	Hạnh	13123306	17/06/1995	05	WS623	2.90	
50	Nguyễn Châu Hồng	Hà	13123321	09/03/1994	05	WS625	1.90	
51	Nguyễn Đức	Hào	12120282	21/09/1993	05	WS627	6.50	x
52	Nguyễn Quốc	Hào	13112070	15/06/1995	05	WS628	5.80	x
53	Nguyễn	Hải	13126069	18/06/1995	05	WS629	0.80	
54	Nguyễn Văn	Hải	11113096	09/09/1992	05	WS630	3.00	
55	Vi Vũ	Hảo	12112333	15/08/1994	05	WS633	5.40	x
56	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	11142009	24/04/1993	05	WS635	2.40	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
57	Trần Thị Thu	Hiền	13123322	13/07/1995	05	WS636	3.30	
58	Võ Thị	Hiền	11150085	19/02/1993	05	WS637	1.00	
59	Võ Xuân	Hiền	12111037	27/04/1994	05	WS638	7.40	x
60	Trần Văn	Hiển	12125165	08/07/1994	05	WS639	3.90	
61	Lê Long	Hiệp	12112119	07/10/1994	05	WS640	2.90	
62	Đinh Mỹ	Hiệp	13363089	01/01/1995	05	WS701	1.60	
63	Lương Việt	Hiệu	12114003	25/09/1993	05	WS702	2.60	
64	Đỗ Kim	Hoa	12123022	02/02/1994	05	WS703	3.90	
65	Phạm Ngọc	Hoa	13111229	05/05/1995	05	WS704	4.10	
66	Lê Phú	Hội	11126124	03/03/1993	05	WS705	5.60	x
67	Võ Thị Ngọc	Hoài	11112100	02/05/1993	05	WS708	4.80	
68	Đàm Văn	Hợp	13111240	08/02/1995	05	WS711	6.10	x
69	Lê Đức	Hưng	13126111	20/09/1995	05	WS712	7.30	x
70	Bùi Giang	Hương	13123323	12/08/1995	05	WS716	2.30	
71	Trần Thị	Hương	13122063	12/07/1995	05	WS718	5.90	x
72	Trịnh Thị	Hương	13122064	19/07/1995	05	WS719	6.30	x
73	Trương Thị Thu	Hương	13155129	07/04/1995	05	WS720	4.40	
74	Nguyễn Quốc	Hùng	11139158	18/10/1992	05	WS723	1.40	
75	Phạm Minh	Huy	12116371	06/01/1994	05	WS727	1.30	
76	Thái Lê	Huy	12111273	15/06/1993	05	WS728	7.00	x
77	Đặng Thị Mỹ	Huyền	12125020	03/03/1993	05	WS730	6.30	x
78	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	13122061	15/10/1995	05	WS731	5.10	x
79	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	12149242	28/05/1994	05	WS732	3.00	
80	Nguyễn Thị Thu	Huyền	12113022	14/06/1994	05	WS734	5.40	x
81	Ngô Mai	Kha	12113154	07/05/1994	05	WS735	1.80	
82	Văn	Khanh	12112282	10/05/1994	05	WS738	5.50	x
83	Lê Trương Quang	Khải	10147041	22/09/1992	05	WS739	3.00	
84	Bạch Đăng	Khoa	10164014	20/09/1992	05	WS801	0.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
85	Đặng Trung	Kiên	12111165	12/06/1994	05	WS802	8.00	x
86	Nguyễn Văn	Lập	13122314	30/07/1995	05	WS804	3.00	
87	Trương Thị Thanh	Lan	11142065	20/03/1993	05	WS806	7.80	x
88	Lê Gia	Lên	13120259	29/03/1994	05	WS808	6.80	x
89	Lê Đỗ Thanh	Liêm	12111141	12/11/1994	05	WS809	6.40	x
90	Hoàng Thị	Liễu	10336029	19/07/1992	05	WS811	2.10	
91	Lê Thị Bích	Liễu	12120588	09/05/1994	05	WS812	2.10	
92	Huỳnh Đức	Linh	13155014	18/03/1995	05	WS815	1.60	
93	Nguyễn Khánh	Linh	08160088	06/09/1990	05	WS816	0.80	
94	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	13120271	09/02/1995	05	WS817	5.30	x
95	Nguyễn Thị Phương	Linh	13112144	15/07/1995	05	WS818	10.00	x
96	Phạm Quang	Linh	11121018	02/03/1993	05	WS820	4.30	
97	Võ Ngọc Trúc	Linh	12120394	19/03/1994	05	WS822	5.80	x
98	Ngô Thành	Lộc	12122087	23/04/1993	05	WS823	3.90	
99	Đào Văn	Lợi	13116474	15/05/1995	05	WS825	6.50	x
100	Nguyễn Thị	Lưu	12125089	10/05/1994	05	WS828	8.00	x
101	Phan Huỳnh Ngọc	Luyến	12125465	20/10/1994	05	WS829	3.90	
102	Trần Lê Phước	Ly	12363281	03/06/1993	05	WS831	2.10	
103	Lê Hải	Lý	13116482	20/07/1994	05	WS832	6.50	x
104	Bùi Xuân	Mạnh	11113274	06/04/1993	05	WS833	1.90	
105	Đỗ Xuân	Mạnh	13363160	18/03/1995	05	WS834	4.10	
106	Nguyễn Thị Họa	Mi	13112160	20/02/1995	05	WS835	8.00	x
107	Nguyễn Nhựt	Minh	12155099	09/05/1992	05	WS836	4.00	
108	Lương Thị Quỳnh	My	12120595	14/07/1994	05	WS837	1.50	
109	Trịnh Tiểu	My	13120125	15/01/1995	05	WS838	0.60	
110	Đặng Hoàng	Đạo	11142135	17/01/1993	05	WS901	3.90	
111	Dương Quốc	Đạt	11111044	01/08/1988	05	WS903	2.00	
112	Lê Phước	Đạt	13113041	25/09/1995	05	WS905	8.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
113	Nguyễn Văn	Đạt	11112080	27/04/1992	05	WS906	5.00	x
114	Lê Quốc	Nam	13112167	18/01/1995	05	WS907	6.00	x
115	Nguyễn Hoài	Nam	11161099	20/11/1992	05	WS908	6.00	x
116	Nguyễn Quốc	Nam	13145109	19/03/1995	05	WS909	5.30	x
117	Võ Hoàng	Nam	11172120	24/10/1992	05	WS910	2.00	
118	Nguyễn Thị	Đào	13363046	22/06/1995	05	WS911	5.10	x
119	Nguyễn Văn	Đến	11126095	19/07/1992	05	WS912	2.00	
120	Đặng Kim	Ngân	11112148	31/03/1993	05	WS913	2.10	
121	Nguyễn Kiều	Ngân	13117087	01/08/1995	05	WS914	4.10	
122	Nguyễn Thị Bích	Ngân	12116081	26/06/1994	05	WS915	3.30	
123	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13336093	09/12/1995	05	WS916	2.50	
124	Phan Thị Kim	Ngân	12123035	21/10/1994	05	WS918	0.40	
125	Trần Thị Kim	Ngân	13122102	06/06/1995	05	WS919	6.10	x
126	Trần Thụy Kim	Ngân	11142012	15/06/1993	05	WS920	4.00	
127	Triệu Thu	Nghiêm	11142075	15/11/1993	05	WS922	1.00	
128	Nguyễn Đoàn Hồng	Ngọc	13120063	17/05/1994	05	WS925	5.90	x
129	Hoàng Thị Thu	Nguyên	11143077	11/12/1993	05	WS927	2.90	
130	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13120313	19/01/1995	05	WS930	7.00	x
131	Nguyễn Thị	Nguyệt	13117096	10/12/1995	05	WS931	2.90	
132	Nguyễn Duy	Nhân	12116009	28/02/1994	05	WS932	5.90	x
133	Nguyễn Thị	Nhài	13120320	22/08/1995	05	WS933	7.30	x
134	Trần Thị	Nhàn	13155184	29/11/1995	05	WS934	1.00	
135	Lê Thị	Nhi	13155189	09/05/1995	05	WS935	2.30	
136	Trương Thị	Nhi	13125346	18/01/1995	05	WS936	7.00	x
137	Trương Thị Phương	Nhi	13112208	15/07/1995	05	WS937	4.50	
138	Trần Thị Mỹ	Nhiên	13155196	16/09/1994	05	WS938	1.10	
139	Hồ Thị	Như	13112212	26/08/1994	05	WS939	6.50	x
140	Đỗ Thị Quỳnh	Như	12111288	04/12/1994	05	WS940	1.90	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
141	Lê Thị Tuyết	Nhung	13122116	28/07/1995	05	WS1002	5.00	x
142	Nguyễn Nhật	Điền	12145238	22/12/1992	05	WS1004	2.10	
143	Nguyễn Bá	Đông	13111197	21/07/1995	05	WS1006	8.00	x
144	Lưu Thị Thanh	Nữ	12113216	27/10/1994	05	WS1008	4.30	
145	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	13122353	10/03/1995	05	WS1010	3.00	
146	Hà Thị	Nở	13120335	02/04/1995	05	WS1011	6.00	x
147	Ngô Phương	Đức	11125226	13/10/1993	05	WS1012	3.00	
148	Nguyễn Anh	Đức	11171025	04/08/1993	05	WS1013	8.00	x
149	Nguyễn Thị Kim	Oanh	13123113	17/10/1994	05	WS1014	5.80	x
150	Nguyễn Trường	Phi	12112177	15/10/1994	05	WS1017	6.00	x
151	Phạm Thị ái	Phí	13120339	03/06/1995	05	WS1018	8.00	x
152	Nguyễn Thị Kim	Phượng	10336032	05/01/1992	05	WS1020	2.00	
153	Ngô Minh	Phương	13155219	18/06/1995	05	WS1021	2.50	
154	Phạm Lê Thiên	Phương	13126245	13/10/1995	05	WS1023	7.30	x
155	Cù Văn	Phụng	13336123	20/08/1994	05	WS1025	1.90	
156	Bùi Đức	Phúc	13111370	05/03/1995	05	WS1027	1.90	
157	Lê Thị Kim	Qui	13123279	16/03/1995	05	WS1031	1.30	
158	Lê Thị Thảo	Quyên	13120351	13/08/1995	05	WS1035	6.40	x
159	Mai Trần Tố	Quyên	13122367	09/07/1995	05	WS1036	8.00	x
160	Nguyễn Lệ	Quyên	12120451	01/01/1994	05	WS1037	2.80	
161	Nguyễn Ngọc	Quyên	11112354	05/06/1992	05	WS1038	6.50	x
162	Phạm Thúy	Quỳnh	13120359	04/09/1995	05	WS1040	7.00	x
163	Đặng Thị	Quý	10363089	26/06/1992	04	WS501	1.00	
164	Đàng Phú Nữ	Saman	12123281	20/03/1993	04	WS503	5.00	x
165	Võ Văn	Son	11142093	22/02/1993	04	WS505	6.50	x
166	Nguyễn Ngọc	Sơn	12126236	20/06/1994	04	WS507	2.00	
167	Phan Minh	Tâm	13149343	10/12/1995	04	WS509	5.80	x
168	Lê Huỳnh Nhật	Tân	12111067	08/08/1994	04	WS513	3.80	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
169	Trần Thanh	Tân	11142099	01/04/1993	04	WS514	7.50	x
170	Lê Trọng	Tăng	11172152	26/11/1992	04	WS515	3.80	
171	Nguyễn Tấn	Tài	12145175	24/02/1994	04	WS516	5.00	x
172	Dương Ngọc	Thật	12116126	05/03/1994	04	WS517	2.30	
173	Lương Quốc	Thắng	12416029	14/01/1988	04	WS519	0.80	
174	Thái Tăng	Thắng	12113265	15/01/1994	04	WS520	2.30	
175	Phạm Ngọc	Thạch	13111454	19/08/1995	04	WS522	7.00	x
176	Dương Thị Phương	Thanh	13139151	19/12/1995	04	WS523	5.80	x
177	Trần Thị	Thanh	12125048	09/03/1994	04	WS525	5.00	x
178	Nguyễn Đức	Thành	10112164	22/08/1992	04	WS526	3.50	
179	Trương Viết	Thành	12111015	28/01/1994	04	WS524	0.00	
180	Kiều Thị Thu	Thảo	13125446	13/01/1995	04	WS528	8.80	x
181	Đặng Thị Thu	Thảo	12120490	01/09/1994	04	WS529	5.50	x
182	Nguyễn Thanh Thu	Thảo	12111071	22/04/1994	04	WS530	5.30	x
183	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	10112167	05/01/1992	04	WS532	2.50	
184	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12125492	25/06/1994	04	WS533	5.00	x
185	Tạ Thị Thu	Thảo	12120355	08/10/1994	04	WS534	6.50	x
186	Nguyễn Ngọc	Thi	13120389	14/11/1995	04	WS537	5.50	x
187	Hoàng Thị	Thiện	13121151	08/06/1994	04	WS538	3.50	
188	Trần	Thiện	12112208	20/01/1994	04	WS539	5.50	x
189	Phạm Thị	Thơ	13125485	16/03/1995	04	WS540	5.00	x
190	Bùi Hoài	Thư	12126068	15/10/1994	04	WS601	5.00	x
191	Nguyễn Minh	Thư	12120438	29/09/1994	04	WS602	0.10	
192	Nguyễn Thị Anh	Thư	13121161	16/06/1995	04	WS603	6.50	x
193	Trần Thị	Thoa	13126298	01/04/1994	04	WS605	1.00	
194	Vũ Lê Ngọc	Thọ	11112206	17/12/1993	04	WS607	6.50	x
195	Nguyễn Văn	Thon	12117182	17/05/1994	04	WS608	1.30	
196	Hồ Quốc	Thịnh	12111124	01/11/1994	04	WS609	5.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
197	Hồ Thị	Thương	12120138	26/12/1994	04	WS612	5.00	x
198	Lý Văn	Thương	13113225	09/10/1995	04	WS615	3.00	
199	Đỗ Quang	Thương	12116266	10/04/1994	04	WS616	3.00	
200	Trần Thị Hoài	Thương	13363310	03/01/1995	04	WS617	8.50	x
201	Đào Ngọc	Thỏa	12113368	20/10/1988	04	WS618	2.00	
202	Nông Thị Hà	Thu	13123284	03/10/1995	04	WS619	3.30	
203	Lê Văn	Thuận	12111206	08/05/1993	04	WS620	7.00	x
204	Phan Thị Ngọc	Thùy	13123286	24/12/1995	04	WS622	6.00	x
205	Bùi Thị Thanh	Thúy	13120406	14/04/1995	04	WS623	3.10	
206	Trịnh Thị Thanh	Thúy	12116316	24/10/1993	04	WS624	5.30	x
207	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	13123287	11/04/1994	04	WS625	6.00	x
208	Nguyễn Thị Thu	Thủy	13112301	08/08/1995	04	WS626	5.50	x
209	Nguyễn Trần Bích	Thủy	13112302	28/07/1995	04	WS627	6.50	x
210	Nguyễn Văn	Tiến	13116699	10/07/1995	04	WS629	6.00	x
211	Hà Thị	Tiền	13112318	05/08/1995	04	WS631	5.00	x
212	Lê Thị Cẩm	Tiên	13121169	25/06/1994	04	WS632	5.30	x
213	Lê Thị Cẩm	Tiên	13121168	15/06/1995	04	WS633	3.30	
214	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	13155320	12/01/1995	04	WS636	5.00	x
215	Đỗ Phượng Cẩm	Tiên	12363245	14/08/1994	04	WS637	6.00	x
216	Trần Minh	Toàn	12122062	27/03/1994	04	WS701	3.30	
217	Nguyễn Ngọc	Tốt	12145207	09/01/1994	04	WS703	5.00	x
218	Trương Đức	Tịnh	13111504	20/12/1995	04	WS704	5.00	x
219	Lương Thị Ngọc	Trâm	13122421	04/04/1995	04	WS705	5.30	x
220	Nguyễn Thị Bích	Trâm	12113064	22/03/1994	04	WS706	7.00	x
221	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	12116142	25/11/1994	05	WS721	5.30	x
222	Trần Khánh	Trân	11122038	08/03/1993	04	WS712	2.30	
223	Huỳnh Đoan	Trang	11336192	23/04/1993	04	WS714	5.30	x
224	Lê Thị	Trang	13126341	13/07/1995	04	WS715	8.00	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
225	Đặng Thị Thu	Trang	13155275	02/02/1995	04	WS716	1.00	
226	Phạm Thị Thùy	Trang	11112225	21/01/1993	04	WS718	5.00	x
227	Trần Thanh	Trang	12111085	22/10/1994	04	WS720	7.00	x
228	Trần Thị Thùy	Trang	12122250	22/07/1994	04	WS721	2.80	
229	Nguyễn Lê Hữu	Trí	12114322	01/06/1994	04	WS722	5.80	x
230	Diệp Việt	Trinh	12149495	18/06/1994	04	WS723	2.00	
231	Lê Thị Ngọc	Trinh	13121186	23/10/1995	04	WS724	0.00	
232	Trần Thị Tuyết	Trinh	13122201	20/01/1995	04	WS725	2.30	
233	Lê Công	Trọng	12125057	31/10/1994	04	WS726	5.30	x
234	Mạc Văn	Trung	12114111	07/12/1993	04	WS729	1.30	
235	Chu Nguyễn Huy	Tuấn	12111090	10/06/1994	04	WS730	1.50	
236	Mai Hoàng Anh	Tuấn	12145214	09/08/1993	04	WS731	5.00	x
237	Trần Trọng	Tuấn	11112037	20/02/1992	04	WS734	0.00	
238	Nguyễn Đăng	Tuất	12125374	18/04/1994	04	WS736	2.00	
239	Bùi Thanh	Tùng	12112323	20/11/1994	04	WS737	2.30	
240	Hoàng Minh Cẩm	Tú	12120501	23/04/1994	04	WS739	3.00	
241	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12117019	31/12/1994	04	WS740	0.80	
242	Phạm Oanh	Tú	13363362	24/04/1991	04	WS801	7.00	x
243	Trần Thị Cẩm	Tú	13122441	20/12/1995	04	WS802	2.00	
244	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	12120542	14/11/1994	04	WS805	6.00	x
245	Bùi Thị	Tuyết	12120445	09/02/1994	04	WS806	5.00	x
246	Đặng Thị	Tuyết	13116761	12/03/1995	04	WS807	3.00	
247	Trần Thị ánh	Tuyết	13155296	10/11/1995	04	WS809	5.00	x
248	Hoàng Vũ Thu	Uyên	13117180	15/11/1995	04	WS810	3.00	
249	Nguyễn Thị Kim	Uyên	13122217	30/04/1995	04	WS811	6.00	x
250	Nguyễn Thị Phương	Uyên	12116326	27/08/1993	04	WS812	5.00	x
251	Trần Huỳnh Nhã	Uyên	13120460	06/07/1995	04	WS813	5.30	x
252	Đặng Thị Tường	Vân	13336212	07/07/1995	04	WS815	2.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 9 năm 2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
253	Nguyễn Thị Kim	Vân	13123184	25/01/1995	04	WS816	5.00	x
254	Nguyễn Thị Thanh	Vân	11145199	29/12/1993	04	WS817	2.30	
255	Mai Đỗ Tường	Vi	11123168	01/06/1993	04	WS819	2.80	
256	Nguyễn Thị Tường	Vi	13117184	19/12/1995	04	WS820	3.30	
257	Đỗ Ngọc Tường	Vi	13155306	27/07/1995	04	WS821	5.00	x
258	Nguyễn Đặng Trúc	Viên	12149106	28/07/1994	04	WS822	3.50	
259	Lê Xuân	Việt	11112046	01/10/1992	04	WS823	6.00	x
260	Bùi Tuấn	Vũ	10112240	20/11/1992	04	WS824	0.40	
261	Phạm Trọng	Vũ	13112385	05/10/1995	04	WS826	5.00	x
262	Trần Nguyễn Tường	Vy	13122226	31/07/1995	04	WS827	2.30	
263	Hàng Thị Bảy	Xuân	13123295	15/01/1995	04	WS828	2.30	
264	Lê Thị	Xuân	13155045	18/02/1995	04	WS829	3.30	
265	Lê Thị Yến	Xuyến	13149509	05/11/1995	04	WS830	5.50	x
266	Đào Thanh	Xuyên	13121210	28/12/1995	04	WS831	6.30	x
267	Hoàng Thị	Yến	10363198	14/09/1992	04	WS832	2.00	
268	Nguyễn Thị Kim	Yến	12122280	05/08/1994	04	WS833	3.30	
269	Nguyễn Thụy Huỳnh	Yến	11112044	26/04/1993	04	WS834	2.80	
270	Trần Thị Kim	Yến	12120602	08/11/1992	04	WS836	5.00	x
271	Trương Thị Hải	Yến	12113318	16/02/1994	04	WS837	2.30	
272	Đặng Như	ý	13125915	20/10/1995	04	WS839	5.00	x

TRUNG TÂM TIN HỌC